

Các văn bản đã ban hành

PHỤ CHỦ TỊCH

SẮC LỆNH số 11-SL ngày 28-4-1960 của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa công bố Luật nghĩa vụ quân sự

CHỦ TỊCH NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

Công bố Luật nghĩa vụ quân sự đã được Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa khóa thứ nhất, kỳ họp thứ 12, thông qua ngày 15 tháng 4 năm 1960.

Hà nội, ngày 28 tháng 4 năm 1960

CHỦ TỊCH

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

HỒ CHÍ MINH

SỐ 15 - LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Căn cứ vào điều 42 của Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa quy định bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất của công dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa, và công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc;

Để củng cố quốc phòng, giữ gìn hòa bình, bảo vệ thành quả của cách mạng và sự nghiệp lao động hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội;

Để phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân, phát huy thắng lợi của chế độ tinh nguyện lòng quân trước đây, nâng cao ý thức quốc phòng, phổ cập tri thức quân sự trong nhân dân;

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang của nhân dân;

Nay quy định chế độ nghĩa vụ quân sự như sau:

CHƯƠNG I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1

Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân nước Việt nam dân chủ cộng hòa đối với Tổ quốc.

Những công dân nam giới từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi, không phân biệt dân tộc, nghề nghiệp, tôn giáo, tín ngưỡng, thành phần xã hội và trình độ văn hóa, đều có nghĩa vụ quân sự.

Điều 2

Không được làm nghĩa vụ quân sự:

— Những người bị tòa án hoặc pháp luật tước quyền công dân;

— Những người đang ở trong thời gian bị giam giữ hoặc bị quản chế.

Điều 3

Nghĩa vụ quân sự chia làm hai ngạch: tại ngũ và dự bị. Làm nghĩa vụ quân sự là tham gia quân đội thường trực hoặc tham gia quân dự bị.

Điều 4

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị gồm có sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ.

Hạ sĩ quan và binh sĩ gồm các cấp bậc sau đây:

— Hạ sĩ quan: thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ.

— Binh sĩ: binh nhất, binh nhì.

Điều 5

Hạ sĩ quan và binh sĩ chuyển sang ngạch dự bị vẫn được giữ cấp bậc cũ.

Điều 6

Hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ trong ngạch dự bị đến hết bốn mươi lăm tuổi thì hết hạn làm nghĩa vụ quân sự.

Thời hạn phục vụ của sĩ quan theo như quy định trong luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 4 năm 1958.

Điều 7

Lựa tuổi tuyển vào quân đội thường trực trong thời bình ấn định từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi. Lựa tuổi tuyển vào quân đội thường trực trong thời chiến do Hội đồng quốc phòng định.

Những người trong những lứa tuổi đó có thể lần lượt được gọi ra phục vụ tại ngũ.

Điều 8

Những quân nhân đang phục vụ theo chế độ tinh nguyện sẽ dần dần được phục viên và chuyển sang dự bị hoặc giải ngạch nghĩa vụ quân sự.

CHƯƠNG II

CHẾ ĐỘ PHỤC VỤ CỦA QUÂN NHÂN TẠI NGŨ VÀ QUÂN NHÂN DỰ BỊ

Điều 9

Sĩ quan tại ngũ và sĩ quan dự bị phục vụ theo chế độ quy định trong luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 4 năm 1958, và những điều khoản có liên quan đến sĩ quan trong luật này.

Điều 10

Thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội lục quân là hai năm.

Đối với hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội không quân, hạ sĩ quan kỹ thuật và binh sĩ kỹ thuật trong bộ đội lục quân, hạ sĩ quan và binh sĩ công an nhân dân vũ trang, thì thời hạn phục vụ tại ngũ là ba năm.

Đối với hạ sĩ quan và binh sĩ trong bộ đội hải quân thì thời hạn phục vụ tại ngũ là bốn năm.

Điều 11

Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ có thể được điều động từ quân chủng, binh chủng này sang quân chủng, binh chủng khác; sang quân chủng, binh chủng nào thì theo thời hạn phục vụ ở quân chủng, binh chủng ấy. Thời gian đã phục vụ ở quân chủng, binh chủng trước được tính vào thời hạn phục vụ ở quân chủng, binh chủng sau.

Điều 12

Hạ sĩ quan và binh sĩ đã hết hạn tại ngũ có thể tình nguyện đăng lại một thời hạn ít nhất là một năm.

Điều 13

Ngạch dự bị của hạ sĩ quan và binh sĩ chia làm hai hạng: dự bị hạng một và dự bị hạng hai.

Hạ sĩ quan và binh sĩ hết hạn phục vụ tại ngũ được xếp vào dự bị hạng một. Những công dân khác trong lứa tuổi làm nghĩa vụ quân sự được xếp vào dự bị hạng hai.

Điều 14

Hạ sĩ quan và binh sĩ tại ngũ bị bệnh, bị thương, bị tàn phế, không còn đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ trong quân đội, sau khi được thủ trưởng đơn vị bộ đội có thẩm quyền chuẩn y, thì được thoát ngũ.

Điều 15

Những quân nhân dự bị hết hạn tuổi làm nghĩa vụ quân sự, hoặc bị bệnh, bị thương, bị tàn phế, không còn đủ sức khỏe để làm nghĩa vụ quân sự, sau khi được cơ quan quân sự có thẩm quyền chuẩn y, thì được giải ngạch nghĩa vụ quân sự.

CHƯƠNG III

ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ, THỐNG KÊ VÀ QUẢN LÝ QUÂN NHÂN DỰ BỊ

Điều 16

Hàng năm vào khoảng năm ngày đầu tháng giêng dương lịch, những công dân nam giới đủ mười tám tuổi tính đến ngày mồng 1 tháng giêng dương lịch, phải đến Ủy ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố nơi mình ở để được kiểm tra sơ bộ thân thể và đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 17

Phụ nữ từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi có kỹ thuật chuyên môn cần cho quân đội cũng đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 18

Quân nhân phục viên khi về đến nơi ở hoặc nơi công tác phải đến cơ quan quân sự địa phương để đăng ký vào ngạch dự bị.

Điều 19

Quân nhân dự bị là công nhân, viên chức trong thời gian đi đăng ký nghĩa vụ quân sự vẫn được hưởng lương.

Điều 20

Những quân nhân dự bị khi hết hạn tuổi làm nghĩa vụ quân sự, khi không còn đủ sức khỏe để tiếp tục làm nghĩa vụ quân sự, khi thay đổi trình độ văn hóa, nghề nghiệp, đơn vị công tác, chỗ ở, phải đến báo cáo với Ủy ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố nơi mình ở xin giải ngạch nghĩa vụ quân sự hoặc thay đổi đăng ký.

Điều 21

Bộ Quốc phòng lãnh đạo việc đăng ký, thống kê và quản lý quân nhân dự bị trong toàn quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính, cơ quan quân sự địa phương có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đăng ký, thống kê và quản lý quân nhân dự bị trong địa phương mình.

Thủ trưởng các cơ quan, trường học, xí nghiệp, nông trường, công trường có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc đăng ký, thống kê quân nhân dự bị thuộc đơn vị mình theo sự hướng dẫn của các cơ quan quân sự địa phương.

CHƯƠNG IV

TUYỂN BINH

Điều 22

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và tình hình của các địa

phương, Chính phủ ấn định tổng số người cần tuyển vào quân đội thường trực và quyết định những biện pháp cần thiết để tiến hành việc tuyển binh.

Điều 23

Hàng năm tiến hành tuyển binh một lần vào khoảng thời gian từ mồng 1 tháng 12 năm trước đến ngày 28 tháng 2 năm sau. Trong trường hợp cần thiết Chính phủ có thể quyết định thay đổi thời gian tuyển binh.

Điều 24

Kể từ ngày công bố lệnh tuyển binh, những người trong lứa tuổi tuyển vào quân đội thường trực muốn thay đổi chỗ ở sang địa phương khác phải được Ủy ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố mình đang ở đồng ý.

Điều 25

Việc kiểm tra thân thể để tuyển binh do Bộ Y tế phụ trách theo tiêu chuẩn do Bộ Quốc phòng và Bộ Y tế quy định.

Điều 26

Những người trong lứa tuổi tuyển binh đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu bị đau yếu không thể đến trạm tuyển binh được và được Ủy ban hành chính xã, thị xã, thị trấn, khu phố chứng nhận, thì có thể được hoãn đến kỳ tuyển binh năm sau.

Điều 27

Những người trong lứa tuổi tuyển binh đã đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu là người lao động duy nhất của gia đình, hoặc là con một, thì có thể được Ủy ban hành chính huyện, thị xã, châu thuộc khu tự trị, quận và khu phố ở các thành phố trực thuộc Trung ương xét và cho miễn phục vụ tại ngũ.

Những trường hợp khác cần miễn hoặc hoãn gọi ra phục vụ tại ngũ sẽ do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG V**HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ CHO QUÂN NHÂN DỰ BỊ****Điều 28**

Sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị, hàng năm phải theo mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng mà tham gia huấn luyện quân sự.

Sĩ quan dự bị mỗi năm phải tham gia huấn luyện quân sự hai mươi lăm ngày.

Hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị mỗi năm phải tham gia huấn luyện quân sự mười lăm ngày.

Điều 29

Đối với quân nhân dự bị là công nhân, viên chức, Chính phủ sẽ quy định việc trả lương trong thời gian tham gia huấn luyện quân sự.

Đối với quân nhân dự bị không ở trong trường hợp nói trên, khi cần thoát ly sản xuất để tham gia huấn luyện quân sự tập trung, Chính phủ sẽ quy định việc giúp đỡ.

Điều 30

Đối với sinh viên, học sinh các trường đại học, các trường chuyên nghiệp trung cấp, thì việc huấn luyện quân sự thuộc chương trình giáo dục do Chính phủ quy định.

Điều 31

Bộ Quốc phòng lãnh đạo việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị trong toàn quốc.

Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính, cơ quan quân sự địa phương có nhiệm vụ tổ chức thực hiện việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị trong địa phương mình.

Thủ trưởng các cơ quan, trường học, xí nghiệp, nông trường, công trường có nhiệm vụ tổ chức việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị thuộc đơn vị mình theo sự hướng dẫn của các cơ quan quân sự địa phương.

CHƯƠNG VI**ĐỘNG VIÊN THỜI CHIẾN****Điều 32**

Sau khi Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa công bố lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra các mệnh lệnh cần thiết để thực hiện.

Điều 33

Sau khi lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ được công bố:

— Tất cả những quân nhân dù sắp hết hạn tại ngũ đều phải ở lại quân đội cho đến khi có mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng cho thoát ngũ.

— Tất cả quân nhân dự bị khi nhận được mệnh lệnh gọi ra phục vụ tại ngũ phải có mặt đúng ngày, đúng giờ, ở địa điểm đã định.

Điều 34

Việc hoãn gọi ra phục vụ tại ngũ trong thời chiến do Hội đồng quốc phòng quyết định.

CHƯƠNG VII**QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA QUÂN NHÂN TẠI NGŨ VÀ QUÂN NHÂN DỰ BỊ****Điều 35**

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị có tất cả mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người công dân quy

định trong Hiến pháp nước Việt nam dân chủ cộng hòa.

Quân nhân còn có những quyền lợi và nghĩa vụ

khác quy định trong luật này và trong các điều lệnh và chế độ của quân đội.

Điều 36

Quân nhân tại ngũ, quân nhân dự bị và dân quân, tự vệ lập được công trạng sẽ được tặng thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự, huy chương, bằng khen.

Điều 37

Những sĩ quan, sĩ quan, binh sĩ dự bị có nhiều thành tích trong huấn luyện quân sự, hoặc trong

công tác bảo vệ an ninh, củng cố quốc phòng, có thể được thăng, thưởng.

Điều 38

Quân nhân tại ngũ bị tàn phế, bị bệnh chết, hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ ưu đãi do Chính phủ định.

Điều 39

Quân nhân dự bị, dân quân, tự vệ bị thương hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ quân sự thì bản thân hoặc gia đình được hưởng một khoản trợ cấp do Chính phủ định.

CHƯƠNG VIII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 40**

Những hành vi vi phạm các điều khoản trong luật này và những hành vi làm cản trở hoặc phá hoại việc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự sẽ tùy từng trường hợp mà bị trừng trị theo pháp luật.

Điều 41

Những điều khoản trong các luật lệ ban hành trước đây trái với luật này đều bãi bỏ.

Điều 42

Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật

Luật này đã được Quốc hội nước Việt nam dân chủ cộng hòa khóa thứ nhất, kỳ họp thứ 12, thông qua trong phiên họp ngày 15 tháng 4 năm 1960.

T.M. Chủ tịch Đoàn

Chủ tịch điều khiển phiên họp

NGUYỄN XIÊN

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 10-CP ngày 26-4-1960
quy định chế độ tiết kiệm gỗ.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Xét tình hình khai thác, cung cấp, sử dụng, bảo quản gỗ hiện nay, nhất là việc sử dụng gỗ còn nhiều điều bất hợp lý, gây lãng phí nghiêm trọng;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nông lâm;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 9 tháng 3 năm 1960 của Hội nghị Thường vụ của Hội đồng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay đặt chế độ tiết kiệm gỗ thành một kỷ luật của Nhà nước mà các cấp, các ngành phải nghiêm chỉnh chấp hành, đề:

- chấm dứt tình trạng lãng phí gỗ;
- bảo vệ rừng và cải tạo rừng;
- bảo đảm nhu cầu về gỗ ngày càng tăng của Nhà nước và nhân dân.

Chế độ tiết kiệm gỗ bao gồm các mặt: khai thác, cung cấp, sử dụng và bảo quản gỗ.

Mục I — KHAI THÁC GỖ

Điều 2. — Mỗi khi mở công trường khai thác gỗ, các tổ chức được phép khai thác phải:

- khai thác đúng trong phạm vi khu rừng đã được ấn định;
- theo đúng thể lệ lâm nghiệp;
- khai thác có kế hoạch toàn diện, tận dụng đến mức tối đa cành, nhánh.

Cơ quan Lâm nghiệp có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức khai thác gỗ để bảo đảm kỹ thuật khai thác, tạo điều kiện tái sinh tự nhiên của rừng; đồng thời thực hiện kế hoạch trồng rừng để bảo vệ rừng và cải tạo rừng.

Điều 3. — Bộ Nông lâm quy định kích thước tối thiểu được chặt đối với từng loại gỗ ở từng vùng; cùng với Bộ Nội thương nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quy định giá thu mua và giá bán gỗ cho hợp lý nhằm khuyến khích khai thác toàn diện.

Điều 4. — Cơ quan Lâm nghiệp và các tổ chức được phép khai thác gỗ phải tìm mọi cách vận chuyển và bảo quản gỗ không được để gỗ ứ đọng, mất phẩm chất ở rừng, ở ven đường hoặc ở các bến; khi nào gỗ được mang đến những địa điểm đã quy định để giao nhận mới coi là đã hoàn thành nhiệm vụ khai thác.